

Số: 46 /GP-UBND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 10 năm 2021

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 về việc Phê duyệt Báo cáo điều chỉnh, bổ sung “Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc bổ sung 01 mỏ khoáng sản mới và diện tích mở rộng diện tích 01 mỏ đã cấp phép làm vật liệu xây dựng thông thường vào Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017;

Căn cứ Văn bản số 3399/UBND-TNMT ngày 14/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chủ trương mở rộng mỏ đá vôi Cây Khế, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang;

Xét hồ sơ và Đơn xin thăm dò khoáng sản ngày 10/9/2021 của Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cấn (địa chỉ: Tổ 11, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) và Biên bản số 03/BB-HĐTĐ ngày 23/9/2021 của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây

dựng thông thường mở rộng mỏ đá vôi Cây Khé, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang của Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cấn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 389/TTr-STNMT ngày 12/10/2021 về việc đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mở rộng mỏ đá vôi Cây Khé, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cấn được thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mở rộng mỏ đá vôi Cây Khé, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

1. Diện tích khu vực thăm dò là 5,3 ha (*khu vực thăm dò dưới sâu có diện tích $S1=3,13$ ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 6 ; khu vực mở rộng có diện tích $S2= 2,17$ ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 6 đến 11*) có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ tỷ lệ 1:5.000 hệ VN.2000 kèm theo (Phụ lục số 2).

2. Thời gian thăm dò: 04 (bốn) tháng kể từ ngày cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Khối lượng thăm dò chủ yếu: theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua.

4. Phương pháp tính trữ lượng

Sử dụng phương pháp mặt cắt song song để tính trữ lượng.

Dự tính trữ lượng địa chất cấp 122 là 1.229.976 m³.

5. Chi phí thăm dò dự kiến: 527.363.000 tỷ đồng, bằng vốn tự có hợp pháp của Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cấn.

Điều 2. Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cấn có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện thăm dò khoáng sản theo phương pháp, khối lượng quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy (*tài liệu gốc*), tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian thi công các hạng mục công trình thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của đề án của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng khoáng sản đá vôi cho mục đích sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng của tỉnh Tuyên Quang và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào Lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Mọi hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này chỉ được phép thực hiện sau khi Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cấn đã thông báo chương trình, khối lượng của Đề án thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp kiểm tra, xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới công trình thăm dò tại thực địa.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; hướng dẫn, kiểm tra Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cấn trong quá trình tổ chức thăm dò khoáng sản nêu tại Điều 1 Giấy phép này, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- HTX SX KT đá vôi xã Đội Cấn (bản chính);
- UBND tỉnh (bản chính);
- Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao);
- PCT UBND tỉnh Phụ trách TNMT (bản sao);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKS tỉnh (bản sao);
- Sở TNMT (bản chính);
- Công an tỉnh (bản sao);
- UBND TP Tuyên Quang (bản sao);
- Chuyên viên KS (bản sao);
- Lưu VT, (Đ 3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 46 /GP-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

| Diện tích | Tên điểm | TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC (Hệ tọa độ VN 2000 - Kinh tuyến trục 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰) | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| | | X (m) | Y (m) |
| Khu vực đã được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, đề nghị thăm dò dưới sâu S1=3,13 ha | 1 | ²⁴ 02.223 | ⁴ 19.320 |
| | 2 | ²⁴ 02.157 | ⁴ 19.464 |
| | 3 | ²⁴ 02.122 | ⁴ 19.581 |
| | 4 | ²⁴ 02.203 | ⁴ 19.677 |
| | 5 | ²⁴ 02.150 | ⁴ 19.722 |
| | 6 | ²⁴ 02.018 | ⁴ 19.380 |
| Diện tích mở rộng S2= 2,17 ha | 6 | ²⁴ 02.018 | ⁴ 19.380 |
| | 7 | ²⁴ 01.938 | ⁴ 19.380 |
| | 8 | ²⁴ 01.938 | ⁴ 19.465 |
| | 9 | ²⁴ 02.058 | ⁴ 19.566 |
| | 10 | ²⁴ 02.088 | ⁴ 19.704 |
| | 11 | ²⁴ 02.146 | ⁴ 19.712 |
| Tổng diện tích: 5,3 ha | | | |

Phụ lục số 2

KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THẨM DÒ CHỦ YẾU

| TT | Danh mục công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------------|-----------------|------------|---------|
| 1 | Công tác địa chất K.sát, đo vẽ ĐC 1/1.000 | | | |
| - | Trong phòng + thực địa | km ² | 0,053 | |
| 2 | Công tác trắc địa | | | |
| - | Tìm điểm cũ tính = 1/2 điểm giải tích 2 | Điểm | 2 | |
| - | Lập lưới đa giác 2 | km | 5 | |
| - | Đo vẽ địa hình tỷ lệ 1:1.000, h=1 m | km ² | 0,053 | |
| - | Đo vẽ mặt cắt địa hình | km | 1,3 | |
| - | Đo C.trình chủ yếu ra thực địa | Điểm | 11 | |
| - | Đo C.trình chủ yếu vào bản đồ | Điểm | 11 | |
| - | Đo C.trình thứ yếu vào bản đồ | Điểm | 8 | |
| 3 | Công tác ĐCTV-ĐCCT | | | |
| - | Quan trắc ĐCTV-CT lỗ khoan đơn giản | Lần | 20 | |
| - | Thu thập tài liệu khí tượng thuỷ văn | Năm | 2 | |
| 4 | Thi công | | | |
| - | Dọn vệt lộ | m ³ | 7 | |
| - | Công tác khoan thăm dò | m | 60 | |
| - | Tháo lắp di chuyển khoan | lần | 3 | |
| 5 | Công tác lấy mẫu và gia công mẫu | | | |
| - | Lấy mẫu rãnh | mẫu | 18 | |
| - | Lấy mẫu lõi khoan | mẫu | 11 | |
| - | Mài mòn tang quay | mẫu | 4 | |
| - | Mẫu bám dính nhựa đường | mẫu | 4 | |
| - | Mẫu cơ lý đá toàn diện | mẫu | 4 | |
| | Mẫu lát mỏng thạch học | mẫu | 4 | |
| | Mẫu quang phổ | mẫu | 2 | |
| | Mẫu nước | mẫu | 1 | |
| 6 | Công tác phân tích mẫu | | | |
| - | Phân tích mẫu hoá cơ bản | mẫu | 14 | |
| | Phân tích mẫu hoá toàn diện | mẫu | 4 | |
| - | Phân tích mẫu quang phổ | mẫu | 2 | |
| - | Mẫu mài mòn tang quay | mẫu | 4 | |
| - | Mẫu dính kết nhựa đường | mẫu | 4 | |
| | Mẫu thạch học (lát mỏng) | mẫu | 4 | |
| - | phân tích mẫu nước toàn diện | mẫu | 1 | |
| - | Phân tích mẫu cơ lý đá toàn diện | mẫu | 4 | |
| 7 | Lập báo cáo tổng kết | Bộ | 1 | |

